



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Phụ lục 03

Sửa đổi tên gọi các đoạn, tuyến đường trong Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	STT năm 2020-2024	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2023	Ghi Chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Thành phố Cà Mau						
a. Đất ở tại đô thị						
1	79	Nguyễn Văn Lang (Tên cũ: Kênh Xáng Phụng Hiệp)	Quang Trung (Tên cũ: Cống Cà Mau)	Vàm Cái Nhúc	5.000	
2	80	Nguyễn Văn Lang (Tên cũ: Kênh Xáng Phụng Hiệp)	Vàm Cái Nhúc	Hết ranh phường Tân Thành	3.000	
3	81	Nguyễn Văn Lang (Tên cũ: Tuyến sông Cái Nhúc - Bên phải tuyến)	Vàm Cái Nhúc đi UBND phường Tân Thành	Cầu Cà Tràm Lớn (Tên cũ: Hết ranh phường Tân Thành)	1.900	
4	266	Ngô Gia Tự (Tên cũ: Đường Ngô Gia Tự Nối dài)	Đường Tạ An Khương	Phạm Ngọc Thạch (Tên cũ: Hết ranh phường 5)	6.500	
5	286	Tuyến kênh Thống Nhất (bên phải tuyến) - phường Tân Xuyên	Từ cầu Thanh Niên	Mậu Thân (Tên cũ: Giáp Phường 9)	5.000	
b. Đất ở tại nông thôn						
6	7	Nguyễn Văn Lang (Tên cũ: Đường lộ mở rộng)	Ranh phường Tân Thành	Giáp Cống Kênh Mới (Tên cũ: Tắc Vân)	560	
7	21	Lê Văn Tám (Tên cũ: Đường vào UBND xã Lý Văn Lâm)	Nguyễn Tất Thành	Giáp cầu Lý Văn Lâm (Tên cũ: Kênh Rạch Rập)	5.000	

2. Huyện Thới Bình

STT	STT năm 2020-2024	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2023	Ghi Chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

b. Đất ở tại nông thôn

Xã Biển Bạch

8	7	Lộ Kênh 11 (tên cũ: Lộ Kênh 12)	Sông Trẹm (Vàm kênh 11) (tên cũ: Sông Trẹm (Vàm Kênh 12))	Ranh Hạt (Kênh xáng cùng Kênh 11) (tên cũ: Ranh Hạt (Kênh xáng cùng Kênh 12))	200	
---	---	---------------------------------	---	---	-----	--

3. Huyện Trần Văn Thời

a. Đất ở tại đô thị

Thị trấn Trần Văn Thời

9	3	Đường 30 tháng 4 (2 bên)	Cầu Rạch Ráng (Phía Tây)	Đến hết đoạn cuối tuyến thuộc Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc (tên cũ: Giao với đường 11, khóm 9)	10.000	
10	16	Ngô Thị Hườn (Tên cũ: Đường số 2 Khóm 1 (2 bên))	Đường 19 tháng 5 (Tên cũ: Giao với đường 19 tháng 5)	Đường Nguyễn Trung Thành (Tên cũ: Giao với đường Nguyễn Trung Thành)	5.500	
11	17	Võ Hoàn (Tên cũ: Đường số 3 Khóm 1 (2 bên))	Đường 19 tháng 5 (Tên cũ: Giao với đường 19 tháng 5)	Đường Nguyễn Trung Thành (Tên cũ: Giao với đường Nguyễn Trung Thành)	4.700	
12	18	Lý Tự Trọng (Tên cũ: Đường số 3A Khóm 1 (2 bên))	Đường số 8 (Tên cũ: Giao với đường số 8)	Đường số 5 (Tên cũ: Giao với đường số 12 (phía Đông))	4.700	
13	24	Nguyễn Long Phi (Tên cũ: Đường số 6A (2 bên))	Ngô Thị Hườn (Tên cũ: Giao với đường Nguyễn Trung Thành)	Đường số 6A (Tên cũ: Giáp với hàng rào huyện uỷ)	3.500	
14	27	Đoàn Văn Xã (Tên cũ: Đường số 9 (2 bên) Khóm 1)	Đường Nguyễn Ngọc Sanh (Tên cũ: Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh)	Đường số 4A (Tên cũ: Giao với đường 4A (phía Nam))	5.000	

STT	DÂN STT năm 2020-2024	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2023	Ghi Chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
15	37	Trần Hợi (Tên cũ: Đường số 6 Khóm 9)	Đường Nguyễn Ngọc Sanh (Tên cũ: Giao với đường Nguyễn Thị Nho)	Đường Nguyễn Thị Nho (Tên cũ: Giao với đường Nguyễn Ngọc Sanh)	3.500	
16	39	Võ Thị Hồng (Tên cũ: Đường số 14, khóm 9)	Đường Trần Văn Đại (Tên cũ: Giao với đường Trần Văn Đại)	Danh Thị Tươi (Tên cũ: Giao với đường Huỳnh Phi Hùng)	1.600	

b. Đất ở tại nông thôn

Xã Khánh Hải

17	326	Lộ ô tô trung tâm xã khu di tích Bắc Ba Phi	Ranh đất ông Hồ Văn Chiểu	Cầu Thành Trung (tên cũ: Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Anh)	900	
18	328	Lộ dọc kênh Trung Tâm (tên cũ: Lộ dọc kênh Lung Tràm)	Tuyến kênh Trung Tâm (Bờ Tây)		300	
19	338	Lộ ô tô về Trung tâm xã Khánh Hải	Hết ranh đất ông Lương Văn Phúc	Ngã tư kênh Trùm Thuật	1.200	
20	343	Tuyến kênh Trùm Thuật (Bờ Tây)	Hết đoạn 300m (Bờ Tây ngã tư Trùm Thuật)	Giáp ranh đất ông Lương Văn Nhiễm (tên cũ: Tuyến lộ Rạch Ráng - Sông Đốc)	300	

Xã Phong Điền

21	470	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5m - 4,5m (tên cũ: Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5m - 2,5m)			200	
----	-----	---	--	--	-----	--

4. Huyện Cái Nước

b. Đất ở tại nông thôn

Xã Thạnh Phú

22	20	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cầu Lương Thế Trân	Lộ quy hoạch khu công nghiệp (điểm cuối cao tốc Bắc - Nam) (tên cũ: Lộ quy hoạch khu công nghiệp)	6.000	
----	----	--	--------------------	---	-------	--

STT	STT năm 2020-2024	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2023	Ghi Chú
			Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
23	21	Quốc lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Lộ quy hoạch khu công nghiệp (điểm cuối cao tốc Bắc - Nam) (tên cũ: Lộ quy hoạch khu công nghiệp)	Cống Cà Giũa	4.800	
5. Huyện Đầm Dơi						
a. Đất ở tại đô thị						
Thị trấn Đầm Dơi						
24	63	Phan Thị Đẹt (tên cũ: Đường 3/2)	Cầu Cây Dương	Lộ 30/4 đi Cà Mau	1.500	
25	65	Đường về Trung tâm xã Tân Tiến (tên cũ: Tuyến Khác)	Cầu Lung Lắm	Hết ranh đất Nhà ông Trần Bá Phước (Giáp xã Tạ An Khương Nam)	600	
26	67	Đường phía sau trường THPT Đầm Dơi	Đường 19/5	Đường Số 6 (tên cũ: Đường Ngô Bình An)	700	
27	71	Nguyễn Thị Năm (tên cũ: Nguyễn Thị Cừ)	Đường Tô Thị Tè	Hết ranh Trường tiểu học	700	
28	77	Tuyến lộ bê tông (tên cũ: Lộ bê tông 5m)	Đường 30/4	Giáp lộ bê tông sông Rạch Sao (tên cũ: Nhà bà Nguyễn Phương Thủy)	700	
29	78	Lộ dân sinh vào Bệnh Viện (tên cũ: Lộ dân sinh vào Trường THPT Thái Thanh Hòa)	Đường Tạ An Khương	Trương Phùng Xuân	700	